

Số: 15 /2015/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2015

## THÔNG TƯ

### **Hướng dẫn giao dịch ngoại tệ trên thị trường ngoại tệ của các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Pháp lệnh ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ngoại hối số 06/2013/PL-UBTVQH13 ngày 18 tháng 03 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 70/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh ngoại hối và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ngoại hối;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn giao dịch ngoại tệ trên thị trường ngoại tệ của các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối.

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này hướng dẫn giao dịch ngoại tệ trên thị trường ngoại tệ trong nước giữa các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối với nhau và giữa tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối với khách hàng.

2. Giao dịch ngoại tệ giữa tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) được thực hiện theo quy định riêng của Ngân hàng Nhà nước.

#### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Tại Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối là các ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài được kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối (sau đây gọi là tổ chức tín dụng được phép).

2. Khách hàng bao gồm:

a) Người cư trú là tổ chức kinh tế (bao gồm cả tổ chức tín dụng không phải là tổ chức tín dụng được phép), tổ chức khác và cá nhân;

b) Người không cư trú là tổ chức, cá nhân.

3. Tổ chức kinh tế là tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các tổ chức khác thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh, trừ tổ chức tín dụng được phép.

4. Tổ chức khác là tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ tổ chức quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

5. Giao dịch ngoại tệ bao gồm: giao dịch mua, bán ngoại tệ giao ngay; giao dịch mua, bán ngoại tệ kỳ hạn; giao dịch hoán đổi ngoại tệ và giao dịch quyền chọn mua, bán ngoại tệ.

Thuật ngữ “giao dịch ngoại tệ” tại Thông tư này đồng nghĩa với thuật ngữ “giao dịch hối đoái” được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật khác do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành.

6. Giao dịch mua, bán ngoại tệ giao ngay (sau đây gọi là giao dịch giao ngay) là giao dịch hai bên thực hiện mua, bán với nhau một lượng ngoại tệ với Đồng Việt Nam hoặc với một ngoại tệ khác theo tỷ giá giao ngay xác định tại ngày giao dịch.

7. Giao dịch mua, bán ngoại tệ kỳ hạn (sau đây gọi là giao dịch kỳ hạn) là giao dịch hai bên cam kết mua, bán với nhau một lượng ngoại tệ với Đồng Việt Nam hoặc với một ngoại tệ khác theo tỷ giá kỳ hạn xác định tại ngày giao dịch. Kỳ hạn của giao dịch được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

8. Giao dịch hoán đổi ngoại tệ (sau đây gọi là giao dịch hoán đổi) là giao dịch giữa hai bên, bao gồm một giao dịch mua và một giao dịch bán cùng một lượng ngoại tệ với Đồng Việt Nam hoặc với một ngoại tệ khác, trong đó ngày thanh toán của hai giao dịch là khác nhau và tỷ giá của hai giao dịch được xác định tại ngày giao dịch.

Giao dịch hoán đổi bao gồm hai giao dịch giao ngay hoặc hai giao dịch kỳ hạn hoặc một giao dịch giao ngay và một giao dịch kỳ hạn. Giao dịch hoán đổi giữa Đồng Việt Nam và ngoại tệ phải có ít nhất một giao dịch là giao dịch kỳ hạn.

9. Giao dịch quyền chọn mua, bán ngoại tệ (sau đây gọi là giao dịch quyền chọn) là giao dịch giữa hai bên, trong đó bên mua trả cho bên bán giá mua quyền chọn để có quyền nhưng không có nghĩa vụ mua hoặc bán giao

ngay một lượng ngoại tệ với một ngoại tệ khác trong một khoảng thời gian do hai bên thỏa thuận theo tỷ giá xác định tại ngày giao dịch. Nếu bên mua chọn thực hiện quyền mua hoặc quyền bán ngoại tệ của mình, bên bán có nghĩa vụ bán hoặc mua lượng ngoại tệ đó theo tỷ giá đã thỏa thuận.

10. Giá mua quyền chọn là số tiền mà bên mua quyền chọn phải trả cho bên bán quyền chọn để mua quyền mua hoặc quyền bán một lượng ngoại tệ trong giao dịch quyền chọn. Giá mua quyền chọn do các bên thỏa thuận.

11. Ngày giao dịch là ngày hai bên tham gia giao dịch hoàn tất thỏa thuận giao dịch quy định tại Điều 7 Thông tư này.

### **Điều 3. Nguyên tắc thực hiện giao dịch**

1. Việc thực hiện giao dịch ngoại tệ phải phù hợp với quy định tại Thông tư này, phạm vi hoạt động ngoại hối của từng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tại Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép theo quy định của pháp luật hiện hành. Đối với các giao dịch ngoại tệ mà tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được Ngân hàng Nhà nước cho phép kinh doanh, cung ứng, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện các giao dịch ngoại tệ do tổ chức tín dụng được phép cung ứng như tổ chức kinh tế theo quy định tại Thông tư này.

2. Các bên tham gia giao dịch ngoại tệ phải thực hiện giao dịch trên nguyên tắc trung thực, rõ ràng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về quyết định tham gia giao dịch của mình.

3. Tổ chức tín dụng được phép trực tiếp hoặc ủy quyền cho một chi nhánh thực hiện giao dịch ngoại tệ với tổ chức tín dụng được phép khác.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 4. Phạm vi giao dịch**

1. Tổ chức tín dụng được phép được thực hiện giao dịch giao ngay, giao dịch kỳ hạn, giao dịch hoán đổi, giao dịch quyền chọn với tổ chức tín dụng được phép khác.

2. Tổ chức tín dụng được phép được thực hiện giao dịch giao ngay, giao dịch kỳ hạn, giao dịch hoán đổi, giao dịch quyền chọn (trừ giao dịch mua quyền chọn) với tổ chức kinh tế.

3. Tổ chức tín dụng được phép được thực hiện giao dịch giao ngay, giao dịch kỳ hạn, giao dịch quyền chọn (trừ giao dịch mua quyền chọn) với người cư trú là tổ chức khác và cá nhân.

4. Tổ chức tín dụng được phép được thực hiện giao dịch giao ngay với người không cư trú là tổ chức, cá nhân.

#### **Điều 5. Đồng tiền giao dịch và tỷ giá giao dịch**

1. Tổ chức tín dụng được phép quy định các loại ngoại tệ giao dịch tại tổ chức tín dụng.

2. Tỷ giá giao ngay giữa Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ của giao dịch giao ngay, giao dịch giao ngay trong giao dịch hoán đổi được xác định theo tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố và trong phạm vi biên độ do Ngân hàng Nhà nước quyết định.

3. Tỷ giá kỳ hạn giữa Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ trong giao dịch kỳ hạn, giao dịch kỳ hạn trong giao dịch hoán đổi do các bên tham gia giao dịch thỏa thuận nhưng không vượt quá mức tỷ giá được xác định trên cơ sở:

a) Tỷ giá giao ngay vào ngày giao dịch;

b) Chênh lệch giữa hai mức lãi suất hiện hành là lãi suất tái cấp vốn do Ngân hàng Nhà nước công bố và lãi suất mục tiêu Đô la Mỹ của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Federal Funds Target Rate);

c) Kỳ hạn của giao dịch.

4. Tỷ giá giữa Đồng Việt Nam với các ngoại tệ khác ngoài Đô la Mỹ và giữa các ngoại tệ với nhau trong các giao dịch ngoại tệ do các bên thỏa thuận.

5. Tổ chức tín dụng được phép phải niêm yết công khai loại ngoại tệ giao dịch, tỷ giá giữa Đồng Việt Nam và các ngoại tệ trong giao dịch với khách hàng.

#### **Điều 6. Kỳ hạn của giao dịch**

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, kỳ hạn của các giao dịch ngoại tệ do các bên thỏa thuận.

2. Kỳ hạn của giao dịch kỳ hạn, giao dịch kỳ hạn trong giao dịch hoán đổi giữa Đồng Việt Nam với ngoại tệ tối thiểu từ 03 (ba) ngày làm việc đến 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày kể từ ngày giao dịch.

#### **Điều 7. Thỏa thuận giao dịch**

1. Thỏa thuận giao dịch ngoại tệ phải được lập thành văn bản, trong đó phải có các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên các bên tham gia giao dịch;

b) Ngày giao dịch;

c) Loại hình giao dịch;

d) Đồng tiền giao dịch;

đ) Số lượng ngoại tệ;

e) Tỷ giá;

g) Ngày thanh toán;

h) Giá mua quyền chọn (đối với giao dịch quyền chọn).

2. Ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, thỏa thuận giao dịch giữa các tổ chức tín dụng được phép phải có thêm các nội dung sau:

- a) Người đại diện thực hiện giao dịch;
- b) Chỉ dẫn thanh toán;
- c) Phương tiện giao dịch;
- d) Hình thức xác nhận giao dịch, người có thẩm quyền xác nhận giao dịch đối với giao dịch ngoại tệ thực hiện trên các phương tiện điện tử, điện thoại.

3. Ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 và 2 Điều này, các bên có thể thỏa thuận các nội dung khác phù hợp với quy định tại Thông tư này và quy định khác của pháp luật.

4. Thỏa thuận giao dịch quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này được lập dưới hình thức thỏa thuận khung và/hoặc thỏa thuận cụ thể.

5. Thỏa thuận về giao dịch ngoại tệ do hai bên thực hiện là cam kết không thay đổi, trừ khi hai bên đạt được thỏa thuận bằng văn bản sửa đổi hoặc hủy bỏ giao dịch.

#### **Điều 8. Phương tiện giao dịch**

1. Thỏa thuận giao dịch ngoại tệ có thể thực hiện bằng phương tiện điện tử, điện thoại do các bên tự thỏa thuận và tự chịu trách nhiệm. Trong trường hợp giao dịch ngoại tệ được thực hiện qua phương tiện điện tử, điện thoại, các phương tiện này phải có chức năng lưu trữ thông tin để sử dụng khi cần thiết.

2. Giao dịch ngoại tệ thực hiện bằng phương tiện điện tử phải tuân thủ quy định của Luật giao dịch điện tử và các quy định của pháp luật có liên quan.

#### **Điều 9. Xác nhận giao dịch**

1. Đối với các giao dịch ngoại tệ được thực hiện bằng phương tiện điện tử, điện thoại, các bên phải lập và gửi cho nhau xác nhận giao dịch.

2. Xác nhận giao dịch phải có tối thiểu các nội dung sau:

- a) Tên các bên tham gia giao dịch;
- b) Ngày giao dịch;
- c) Loại hình giao dịch;
- d) Đồng tiền giao dịch;
- đ) Số lượng ngoại tệ;
- e) Tỷ giá;
- g) Ngày thanh toán;
- h) Giá mua quyền chọn (đối với giao dịch quyền chọn);
- i) Chữ ký của người có thẩm quyền xác nhận giao dịch.

3. Xác nhận giao dịch phải được lập thành văn bản. Trường hợp xác nhận giao dịch được gửi qua fax thì trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch, hai bên phải gửi cho nhau bản gốc (văn bản giấy) do người có thẩm quyền ký.

4. Xác nhận giao dịch phải được lập ngay trong ngày giao dịch.

5. Xác nhận giao dịch phải được lưu trữ theo quy định của pháp luật và có thể truy xuất được trong trường hợp thực hiện bằng phương tiện điện tử.

#### **Điều 10. Thanh toán giao dịch**

1. Ngày thanh toán trong giao dịch giao ngay, giao dịch giao ngay trong giao dịch hoán đổi do các bên thỏa thuận nhưng tối đa không quá 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch.

2. Ngày thanh toán trong giao dịch kỳ hạn, giao dịch kỳ hạn trong giao dịch hoán đổi là ngày cuối cùng của kỳ hạn giao dịch.

3. Trong trường hợp ngày thanh toán trùng vào ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ thì ngày thanh toán được chuyển sang ngày làm việc kế tiếp.

#### **Điều 11. Phí giao dịch**

Tổ chức tín dụng được phép không được thu phí giao dịch đối với giao dịch ngoại tệ.

#### **Điều 12. Chứng từ trong giao dịch**

1. Tổ chức tín dụng được phép khi thực hiện giao dịch ngoại tệ với tổ chức tín dụng được phép khác không phải xuất trình chứng từ chứng minh mục đích sử dụng ngoại tệ.

2. Khách hàng phải xuất trình giấy tờ và chứng từ cung cấp đầy đủ thông tin về mục đích, số lượng, loại ngoại tệ, thời hạn thanh toán, chuyển tiền theo quy định hiện hành về quản lý ngoại hối khi thực hiện các giao dịch ngoại tệ sau với tổ chức tín dụng được phép:

a) Mua ngoại tệ trong giao dịch giao ngay, giao dịch kỳ hạn, giao dịch hoán đổi;

b) Mua quyền chọn mua ngoại tệ.

3. Tổ chức tín dụng được phép khi thực hiện các giao dịch ngoại tệ với khách hàng có trách nhiệm xem xét, kiểm tra, lưu giữ các giấy tờ và chứng từ phù hợp với các giao dịch thực tế để đảm bảo giao dịch ngoại tệ được thực hiện đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật.

#### **Điều 13. Bán ngoại tệ cho các giao dịch chưa đến hạn thanh toán**

1. Trừ trường hợp quy định tại Điều 9 Nghị định 70/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối, đối với các đề nghị của khách hàng dùng Đồng Việt Nam để

mua ngoại tệ trước thời hạn thanh toán theo các giấy tờ, chứng từ quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này từ 03 (ba) ngày làm việc trở lên, tổ chức tín dụng được phép chỉ được bán ngoại tệ kỳ hạn.

2. Ngày cuối cùng của kỳ hạn trong giao dịch kỳ hạn quy định tại khoản 1 Điều này không được trước ngày đến hạn thanh toán theo các giấy tờ, chứng từ của khách hàng 02 (hai) ngày làm việc.

### **Chương III**

## **TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG ĐƯỢC PHÉP VÀ CÁC ĐƠN VỊ THUỘC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

### **Điều 14. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng được phép**

1. Ban hành quy định nội bộ về quy trình thực hiện các giao dịch ngoại tệ phù hợp với quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan, trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau:

a) Quy định về trách nhiệm và thẩm quyền của các cá nhân, bộ phận liên quan khi thực hiện giao dịch ngoại tệ. Quy định và kiểm soát hạn mức trong giao dịch ngoại tệ nhằm hạn chế rủi ro;

b) Phân tách nhiệm vụ, quy định chức năng độc lập giữa bộ phận giao dịch và bộ phận nghiệp vụ hỗ trợ;

c) Quy định nội bộ về quy trình quản lý rủi ro, tối thiểu gồm các nội dung: Các rủi ro có thể xảy ra, quy trình quản lý và biện pháp xử lý đối với các rủi ro này.

2. Tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quy định về trạng thái ngoại tệ và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

3. Thông báo, hướng dẫn cho khách hàng hiểu và thực hiện theo các nội dung quy định tại Thông tư này và quy định về quản lý ngoại hối khác có liên quan khi thực hiện giao dịch ngoại tệ với khách hàng.

4. Thực hiện chế độ báo cáo thống kê theo quy định của Ngân hàng Nhà nước áp dụng đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

### **Điều 15. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước**

1. Vụ Chính sách tiền tệ làm đầu mối xử lý các vấn đề vướng mắc liên quan đến thực hiện giao dịch ngoại tệ trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Thông tư này và xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật;

b) Thông báo cho Vụ Chính sách tiền tệ việc cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động, văn bản chấp thuận hoạt động ngoại hối hoặc các văn bản khác liên quan đến hoạt động ngoại hối do Ngân hàng Nhà nước cấp cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Vụ Tài chính - Kế toán có trách nhiệm hướng dẫn hạch toán kế toán đối với giao dịch ngoại tệ của các tổ chức tín dụng được phép.

4. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm tham gia ý kiến về việc xử lý các vấn đề vướng mắc liên quan đến việc thực hiện các quy định tại Thông tư này theo đề nghị của Vụ Chính sách tiền tệ.

#### **Chương IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 16. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 5 tháng 10 năm 2015.

2. Các văn bản sau đây hết hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 1452/2004/QĐ-NHNN ngày 10 tháng 11 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về giao dịch hối đoái của các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối;

b) Quyết định số 101/1999/QĐ-NHNN13 ngày 26 tháng 3 năm 1999 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thị trường ngoại tệ liên ngân hàng;

c) Quyết định số 401/1999/QĐ-NHNN10 ngày 12 tháng 11 năm 1999 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi một số điều tại Thông tư số 07/TT-NH1 ngày 27 tháng 12 năm 1996 và Quyết định số 101/1999/QĐ-NHNN13 ngày 26 tháng 3 năm 1999 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

d) Quyết định số 206/2000/QĐ-NHNN13 ngày 11 tháng 7 năm 2000 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi khoản 2 Điều 9 “Quy chế tổ chức và hoạt động của thị trường ngoại tệ liên ngân hàng” ban hành kèm theo Quyết định số 101/1999/QĐ-NHNN13 ngày 26 tháng 3 năm 1999 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

đ) Quyết định số 648/2004/QĐ-NHNN ngày 28 tháng 5 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 679/2002/QĐ-NHNN ngày 1 tháng 7 năm 2002 về việc ban hành một số quy định liên quan đến giao dịch ngoại tệ của các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại tệ.

#### **Điều 17. Điều khoản chuyển tiếp**

Đối với những thỏa thuận giao dịch ngoại tệ đã được ký kết và có hiệu lực trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng được tiếp tục thực hiện theo



thỏa thuận đã ký. Việc sửa đổi, bổ sung các thỏa thuận trên sau khi Thông tư này có hiệu lực thi hành chỉ được thực hiện nếu nội dung sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại Thông tư này.

### **Điều 18. Tổ chức thi hành**

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 18;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu VP, Vụ PC, Vụ CSTT.



Nguyễn Thị Hồng